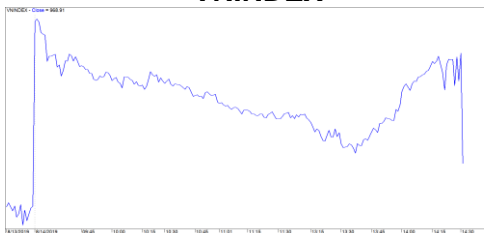


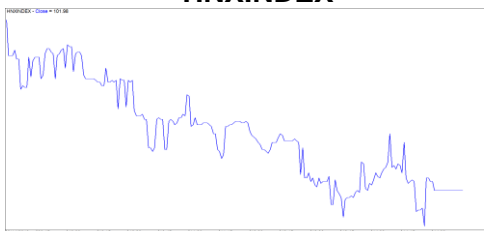
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	968.91	101.98	57.14
% ngày	0.22%	-0.30%	-0.02%
% tuần	0.31%	0.09%	-1.86%
% tháng	-0.67%	-3.67%	0.94%
% năm	-0.96%	-7.11%	10.54%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	3,290	439	489
TB 1 tuần	4,339	377	483
TB 1 tháng	4,265	421	436
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	402.36	5.63	39.33
Bán	625.01	15.78	21.12
Giá trị ròng	-222.65	-10.15	18.22
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	155	69	185
Mã Giảm	135	66	115
Không Đổi	98	232	597
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.28	9.20	19.06
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,274	188	1,018
LS Cổ tức	1.72%	2.86%	5.59%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Việt Nam bật tăng ngay từ đầu phiên sau thông tin tổng thống Donald Trump hoãn áp thuế lên hàng hóa Trung tới cuối năm nay. Tuy vậy, đà tăng gặp khó trước khiến VN-Index đóng cửa chỉ còn tăng 0.22% dừng tại 968.83 điểm trong khi chỉ số HNX-Index đảo chiều giảm 0.3% dừng tại 101.91 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 0.01% neo tại 57.14 điểm. Giá trị giao dịch toàn thị trường sụt giảm khi chỉ đạt 3,223 tỷ đồng khòp lệnh trên cả ba sàn.

Thị trường giao dịch ảm đạm với dòng tiền sụt giảm cho thấy tâm lý thận trọng. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng chứng lại khi chỉ có TCB(+1), HDB(+1%) tăng tích cực. CTD tăng 2.8% ghi nhận phiên hồi phục đầu tiên sau chuỗi phiên giảm mạnh vừa qua khi quỹ Hàn Quốc KIMC thoái vốn. Một số mã có mức tăng nổi bật đáng chú ý còn phải kể ra như TGG(+3.2%), HNG(+3.1%), NKG(+4%), DRC(+2.2%). Ở chiều ngược lại, nhóm BĐS KCN tiếp tục bị chốt lời mạnh khi TIP, SZL, KBC, SZC giảm giá khá.

Khối ngoại có phiên bán ròng khá mạnh với 214 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, VJC (78 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng theo sau bởi STB (24 tỷ), VPI (22 tỷ). Ở chiều mua, HDB(11 tỷ), VEA(9 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể tiếp tục biến động “sideways” trong vùng giá 965.5 – 980 điểm của chỉ số VN-Index. Điểm tích cực là tâm lý nhà đầu tư đã trở nên tích cực hơn, nhưng xu hướng lạc quan vẫn chưa rõ ràng và dòng tiền ngắn hạn tiếp tục suy yếu cho thấy trạng thái “sideways” có thể sẽ còn tiếp diễn trong vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 983.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.36 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục để hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

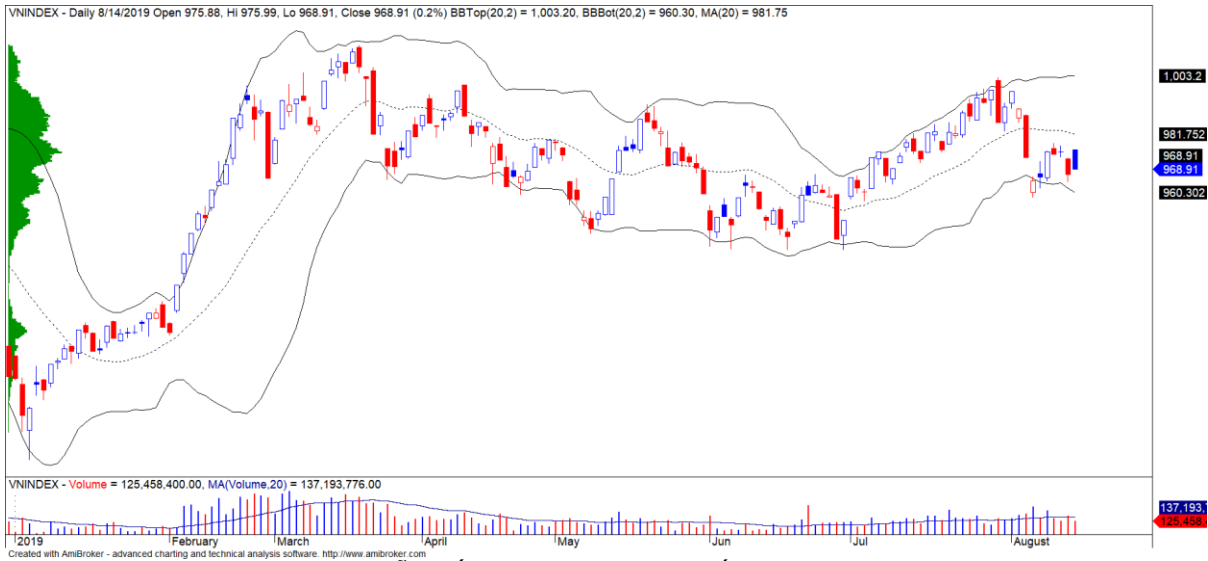
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 41% cổ phiếu 59% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	108	110	105	101
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.20	GIẢM	TĂNG		17.59			16.85	17.01	2.08%	
ACB	21.70	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
ACV	82.00	TĂNG	TĂNG	85.80	81.66	-4.43%		90.00	81.77	-8.89%	
ANV	25.00	GIẢM	GIẢM		26.04				29.78		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BFC	15.75	TĂNG	GIẢM	15.90	14.77	-0.94%			19.02		
BID	35.10	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	7.50%		33.40	31.96	5.09%	
BMP	50.40	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-3.63%		48.30	44.48	4.35%	
BSR	9.80	GIẢM	GIẢM		10.65				12.79		
BVH	78.50	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.08%	
BWE	26.05	GIẢM	TĂNG		26.83			20.00	25.45	30.25%	
CEO	10.30	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.05	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CMG	39.05	GIẢM	TĂNG		39.48			23.20	34.35	68.32%	
CMX	27.70	GIẢM	TĂNG		30.24			5.91	22.80	368.70%	
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	15.40	14.50	-2.60%		14.39	14.22	4.24%	
CTD	102.00	GIẢM	TĂNG		106.72			112.70	99.66	-9.49%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
CTI	22.95	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	56.70	TĂNG	N/A	28.80	49.81	96.88%		-	N/A		
CVT	20.30	TĂNG	TĂNG	19.80	18.69	2.53%		20.35	18.32	-0.25%	
DCM	8.08	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	28.10	GIẢM	TĂNG		31.93			31.90	27.79	-11.91%	
DGW	23.60	TĂNG	TĂNG	23.50	22.23	0.43%		23.50	21.23	0.43%	
DHA	35.90	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	11.32%		29.10	32.95	23.37%	
DHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.97			35.20	33.00	-6.24%	
DHG	94.20	GIẢM	GIẢM		98.87				109.20		
DIG	12.40	GIẢM	GIẢM		12.68				14.54		
DPG	47.00	TĂNG	TĂNG	39.40	46.01	19.29%		40.02	38.52	17.45%	
DPM	13.85	TĂNG	GIẢM	14.40	13.53	-3.82%			16.26		
DPR	41.80	GIẢM	TĂNG		45.03			42.50	40.21	-1.65%	
DQC	18.25	GIẢM	GIẢM		18.87				20.27		
DRC	20.95	TĂNG	TĂNG	20.45	19.53	2.44%			20.88		
DXG	13.80	TĂNG	GIẢM	16.15	12.06	-14.55%			20.07		
EIB	17.10	GIẢM	TĂNG		18.33			14.70	16.88	16.33%	



We Create Fortune

FCN	13.30	GIẢM	TĂNG		13.61			16.05	13.18	-17.13%
FMC	31.35	TĂNG	TĂNG	28.95	29.63	8.29%			30.62	
FPT	53.20	TĂNG	TĂNG	45.20	50.47	17.70%		46.00	45.47	15.65%
GAS	100.90	GIẢM	GIẢM		105.76				113.06	
GEX	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.68	3.60%			23.15	
GIL	23.25	GIẢM	GIẢM		24.94				27.81	
GMD	27.00	TĂNG	GIẢM	26.55	26.79	1.69%			27.99	
GTN	19.40	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	3.19%		15.00	16.37	29.33%
GVR	15.50	TĂNG	N/A	13.50	15.22	14.81%			N/A	
HAG	5.00	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62	
HAX	20.90	TĂNG	TĂNG	20.00	18.14	4.50%		15.75	17.24	32.70%
HBC	13.75	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-3.51%			15.82	
HCM	19.80	GIẢM	GIẢM		21.01				24.43	
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.07	0.00%			28.17	
HDC	19.05	TĂNG	TĂNG	15.25	18.30	24.92%		15.25	14.22	24.92%
HDG	35.65	GIẢM	TĂNG		37.82			35.30	32.26	0.99%
HNG	18.60	TĂNG	TĂNG	18.35	17.34	1.36%		17.10	16.59	8.77%
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.30	22.29	0.64%			23.96	
HSG	6.75	GIẢM	GIẢM		7.07			9.30	7.01	-24.57%
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.58			14.80	15.47	4.49%
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.16	0.00%			2.97	
HVN	39.20	GIẢM	TĂNG		40.68			39.00	38.75	0.51%
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-3.44%		15.35	14.17	0.65%
KDH	23.45	TĂNG	GIẢM	22.90	22.73	2.40%			23.94	
KSB	23.60	TĂNG	GIẢM	22.95	23.15	2.83%			24.78	
LCG	9.67	GIẢM	GIẢM		10.24				11.41	
LDG	8.02	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-1.96%			9.15	
LHG	18.05	GIẢM	TĂNG		19.28			19.30	17.32	-6.48%
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51	
LSS	5.37	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-0.37%			5.84	
MBB	22.30	TĂNG	TĂNG	22.20	21.18	0.45%		21.85	20.88	2.06%
MPC	34.70	GIẢM	GIẢM		37.62				40.20	
MSN	75.60	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73	
MSR	16.60	GIẢM	GIẢM		17.55				19.98	
MWG	118.90	TĂNG	TĂNG	110.00	110.95	8.09%		88.70	99.40	34.05%
NDN	18.00	TĂNG	TĂNG	14.10	17.56	27.66%		13.70	14.96	31.39%
NKG	6.50	TĂNG	GIẢM	6.35	6.15	2.36%			6.85	
NLG	31.60	TĂNG	TĂNG	29.90	30.58	5.69%		28.70	27.99	10.10%
NT2	24.80	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42	



We Create Fortune

NTL	26.65	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	16.12%		10.45	22.13	155.02%	
NVL	60.20	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.18	0.00%			12.38		
PAC	29.85	GIẢM	GIẢM		31.48				35.54		
PC1	16.50	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.40	GIẢM	TĂNG	24.10	26.44	9.70%	BÁN	29.00	25.01	-8.97%	
PHR	69.20	GIẢM	TĂNG		75.47			24.00	60.96	188.33%	
PLX	62.40	GIẢM	TĂNG		64.11			62.40	59.59	0.00%	
PNJ	85.70	TĂNG	TĂNG	77.00	82.64	11.30%		104.00	72.08	-17.60%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.78			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	17.35	TĂNG	TĂNG	17.45	16.69	-0.57%		18.30	16.20	-5.19%	MUA
PPC	24.90	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	70.40	TĂNG	TĂNG	69.70	66.54	1.00%		64.00	64.57	10.00%	
PVB	21.80	TĂNG	TĂNG	20.20	21.31	7.92%		20.10	17.72	8.46%	
PVD	15.70	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	39.40	TĂNG	GIẢM	38.10	36.23	3.41%			39.70		
PVS	20.40	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
PXS	5.99	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.09%		4.85	5.02	23.51%	
QNS	30.00	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-11.24%	
REE	35.90	TĂNG	TĂNG	34.00	33.41	5.59%		33.33	31.19	7.73%	
SAB	277.00	GIẢM	TĂNG		286.92			245.00	259.03	13.06%	
SAM	7.90	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	6.76%	
SCR	6.80	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-1.73%			7.47		
SHI	8.65	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.10%		6.99	7.47	23.75%	
SJS	17.20	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.89		
SKG	11.70	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	21.80	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.66				11.77		
TCB	20.85	TĂNG	GIẢM	20.85	20.75	0.00%	MUA		22.76		
TCM	24.70	GIẢM	GIẢM		26.09				28.96		
TDH	9.40	TĂNG	TĂNG	9.40	9.35	0.00%	MUA	11.65	9.17	-19.31%	
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.11%		5.85	5.16	-11.73%	BÁN
TNG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.29			12.00	18.79	56.57%	
VCB	76.30	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	23.06%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	89.10	TĂNG	TĂNG	81.10	81.32	9.86%		68.00	68.25	31.03%	
VGC	18.80	GIẢM	GIẢM		19.77				20.64		
VGT	9.10	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		
VHC	83.50	GIẢM	GIẢM		86.52				95.80		

We Create Fortune

VHM	83.00	GIẢM	TĂNG		87.58			90.20	76.55	-7.98%	MUA
VIB	16.90	TĂNG	GIẢM	17.00	16.18	-0.59%		17.70	17.06	-3.59%	
VIC	118.60	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	5.89%	
VIP	5.04	GIẢM	GIẢM		5.17				5.62		
VJC	131.60	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-2.16%		124.50	124.10	5.70%	
VND	14.50	GIẢM	GIẢM		15.01				16.18		
VNG	18.30	GIẢM	GIẢM		18.80				21.18		
VNM	118.70	GIẢM	GIẢM		122.12				132.64		
VPB	19.25	TĂNG	GIẢM	19.10	18.37	0.79%			19.82		
VPI	42.50	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	0.71%			42.86		
VRC	15.00	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-1.96%			16.26		
VRE	34.70	GIẢM	TĂNG		36.58			35.00	33.61	-0.86%	
VSC	28.10	TĂNG	GIẢM	28.60	27.92	-1.75%			32.28		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.70	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
BID	35.10	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	7.50%		33.40	31.96	5.09%	
BSR	9.80	GIẢM	GIẢM		10.65				12.79		
BVH	78.50	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.08%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
EIB	17.10	GIẢM	TĂNG		18.33			14.70	16.88	16.33%	
FPT	53.20	TĂNG	TĂNG	45.20	50.47	17.70%		41.00	45.47	29.77%	
GAS	100.90	GIẢM	GIẢM		105.76				113.06		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.07	0.00%			28.17		
HNG	18.60	TĂNG	TĂNG	18.35	17.34	1.36%		17.10	16.59	8.77%	
HPG	23.45	TĂNG	GIẢM	23.30	22.29	0.64%			23.96		
HVN	39.20	GIẢM	TĂNG		40.68			39.00	38.75	0.51%	
KDH	23.45	TĂNG	GIẢM	22.90	22.73	2.40%			23.94		
MBB	22.30	TĂNG	TĂNG	22.20	21.18	0.45%		21.27	20.88	4.84%	
MSN	75.60	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MWG	118.90	TĂNG	TĂNG	110.00	110.95	8.09%		88.70	99.40	34.05%	
NVL	60.20	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.70	TĂNG	GIẢM	11.70	11.18	0.00%			12.38		
PLX	62.40	GIẢM	TĂNG		64.11			59.97	59.59	4.05%	
PNJ	85.70	TĂNG	TĂNG	77.00	82.64	11.30%		77.88	72.08	10.04%	



We Create Fortune

POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.78			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	20.40	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
QNS	30.00	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-11.24%	
REE	35.90	TĂNG	TĂNG	34.00	33.41	5.59%		33.33	31.19	7.73%	
ROS	26.70	TĂNG	GIẢM	28.50	25.52	-6.32%		34.80	27.33	-21.48%	
SSI	21.80	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.15	GIẢM	GIẢM		10.66				11.77		
TCB	20.85	TĂNG	GIẢM	20.85	20.75	0.00%	MUA		22.76		
TPB	22.45	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	76.30	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	23.06%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	54.00	GIẢM	GIẢM		57.01				N/A		
VGI	34.30	TĂNG	GIẢM	29.50	32.57	16.27%			N/A		
VHM	83.00	GIẢM	TĂNG		87.58			90.20	76.55	-7.98%	MUA
VIB	16.90	TĂNG	GIẢM	17.00	16.18	-0.59%		17.70	17.06	-3.59%	
VIC	118.60	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	5.89%	
VJC	131.60	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-2.16%		124.50	124.10	5.70%	
VNM	118.70	GIẢM	GIẢM		122.12				132.64		
VPB	19.25	TĂNG	GIẢM	19.10	18.37	0.79%			19.82		
VRE	34.70	GIẢM	TĂNG		36.58			34.00	33.61	2.07%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.20	GIẢM	TĂNG		17.59			16.85	17.01	2.08%	
ANV	25.00	GIẢM	GIẢM		26.04				29.78		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BMP	50.40	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-3.63%		48.30	44.48	4.35%	
BWE	26.05	GIẢM	TĂNG		26.83			19.44	25.45	34.00%	
C4G	8.30	GIẢM	GIẢM		8.47			-	9.96		
CEO	10.30	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.05	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CRE	25.05	GIẢM	GIẢM		25.34			-	26.06		
CTI	22.95	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	56.70	TĂNG	#N/A	28.80	49.81	96.88%		-	#N/A		
DCM	8.08	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.97			35.20	33.00	-6.24%	



We Create Fortune

DIG	12.40	GIẢM	GIẢM		12.68				14.54		
DPM	13.85	TĂNG	GIẢM	14.40	13.53	-3.82%			16.26		
DRC	20.95	TĂNG	TĂNG	20.45	19.53	2.44%			20.88		
DXG	13.80	TĂNG	GIẢM	16.15	12.06	-14.55%			20.07		
E1VFN30	14.62	TĂNG	GIẢM	14.62	14.33	0.00%			15.16		
FCN	13.30	GIẢM	TĂNG		13.61			16.05	13.18	-17.13%	
FLC	3.96	GIẢM	GIẢM	3.99	4.02	0.87%	BÁN		4.49		
FTM	23.65	GIẢM	TĂNG		24.56			16.25	22.18	45.54%	
GEG	27.90	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	22.37%		12.90	22.56	116.28%	
GEX	23.00	TĂNG	GIẢM	22.20	22.68	3.60%			23.15		
GMD	27.00	TĂNG	GIẢM	26.55	26.79	1.69%			27.99		
GTN	19.40	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	3.19%		15.00	16.37	29.33%	
GVR	15.50	TĂNG	#N/A	13.50	15.22	14.81%		-	#N/A		
HAG	5.00	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HBC	13.75	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-3.51%			15.82		
HCM	19.80	GIẢM	GIẢM		21.01				24.43		
HDG	35.65	GIẢM	TĂNG		37.82			35.30	32.26	0.99%	
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A		
HSG	6.75	GIẢM	GIẢM		7.07			8.45	7.01	-17.01%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.58			14.80	15.47	4.49%	
IBC	21.20	GIẢM	TĂNG		21.50			24.90	20.15	-14.86%	
IDI	6.28	GIẢM	GIẢM		6.55				7.70		
IJC	14.60	TĂNG	TĂNG	11.35	13.36	28.63%		13.10	10.49	11.45%	MUA
ITA	3.35	GIẢM	TĂNG	3.17	3.35	5.74%	BÁN	3.20	2.83	4.69%	
KBC	15.45	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-3.44%		15.35	14.17	0.65%	
KSB	23.60	TĂNG	GIẢM	22.95	23.15	2.83%			24.78		
LDG	8.02	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-1.96%			9.15		
LPB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
MBS	15.40	GIẢM	TĂNG		16.50			16.00	14.25	-3.75%	
MPC	34.70	GIẢM	GIẢM		37.62				40.20		
NBB	21.10	GIẢM	TĂNG		21.79			21.50	19.30	-1.86%	
NKG	6.50	TĂNG	GIẢM	6.35	6.15	2.36%			6.85		
NLG	31.60	TĂNG	TĂNG	29.90	30.58	5.69%		28.70	27.99	10.10%	
NT2	24.80	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		
NTC	186.00	GIẢM	TĂNG		195.18			120.00	161.01	55.00%	
NTL	26.65	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	16.12%		9.33	22.13	185.60%	
NVB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.69				8.72		
OGC	3.87	GIẢM	GIẢM		4.06				4.56		

We Create Fortune

PC1	16.50	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.40	GIẢM	TĂNG	24.10	26.44	9.70%	BÁN	23.60	25.01	11.89%	
PHR	69.20	GIẢM	TĂNG		75.47			22.86	60.96	202.66%	
PPC	24.90	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	70.40	TĂNG	TĂNG	69.70	66.54	1.00%		60.78	64.57	15.83%	
PVD	15.70	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	39.40	TĂNG	GIẢM	38.10	36.23	3.41%			39.70		
PVT	17.35	TĂNG	TĂNG	17.45	16.69	-0.57%		18.30	16.20	-5.19%	MUA
QCG	4.75	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	2.81%			5.32		
SAM	7.90	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	6.76%	
SBT	15.80	GIẢM	GIẢM		16.41				17.67		
SCR	6.80	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-1.73%			7.47		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.74				7.30		
SHS	8.50	GIẢM	GIẢM		8.94			10.55	10.14	-3.86%	BÁN
SJS	17.20	GIẢM	GIẢM		17.86				19.89		
STK	21.30	GIẢM	TĂNG		22.71			17.00	21.12	25.29%	
SZC	23.90	GIẢM	#N/A		26.95			-	#N/A		
TCH	22.80	TĂNG	TĂNG	22.05	21.55	3.40%			22.45		
TCM	24.70	GIẢM	GIẢM		26.09				28.96		
TNG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.29			12.00	18.79	56.57%	
TTB	24.25	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	7.30%		24.50	22.23	-1.02%	MUA
VCI	33.50	TĂNG	GIẢM	32.30	32.55	3.72%			35.72		
VGT	9.10	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		
VHC	83.50	GIẢM	GIẢM		86.52				95.80		
VND	14.50	GIẢM	GIẢM		15.01				16.18		
VNG	18.30	GIẢM	GIẢM		18.80				21.18		
VPI	42.50	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	0.71%			42.86		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.50	TĂNG	#N/A	9.40	10.35	11.70%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.32	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	8.27%	
AMD	1.65	GIẢM	GIẢM		1.73				2.04		
APG	9.20	GIẢM	TĂNG		9.49			9.90	7.90	-7.07%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.48				2.85		
BCC	7.80	GIẢM	TĂNG		8.26			7.70	7.70	1.30%	

We Create Fortune

BCG	6.23	TĂNG	TĂNG	5.82	6.15	7.04%		6.39	5.41	-2.50%	
C69	20.80	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	136.36%		5.30	15.89	292.45%	
CCL	7.49	TĂNG	TĂNG	6.38	7.03	17.40%		3.46	5.67	116.47%	
CRC	17.50	GIẢM	TĂNG		17.93				17.35		
CVT	20.30	TĂNG	TĂNG	19.80	18.69	2.53%		20.35	18.32	-0.25%	
DAG	7.15	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	9.16%		7.09	5.94	0.85%	MUA
DAH	13.05	GIẢM	TĂNG		13.67			4.66	11.21	179.79%	
DGW	23.60	TĂNG	TĂNG	23.50	22.23	0.43%		23.50	21.23	0.43%	
DLG	1.52	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.90	TĂNG	GIẢM	7.20	6.82	-4.17%			7.76		
DTD	16.30	TĂNG	TĂNG	15.90	15.29	2.52%		12.90	12.45	26.36%	
EVG	2.73	GIẢM	GIẢM		2.90				3.02		
FIT	3.37	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-7.42%	
GKM	14.80	GIẢM	GIẢM		14.96			11.42	15.87	38.89%	
HAH	14.70	TĂNG	TĂNG	12.80	14.19	14.84%		13.00	12.04	13.08%	
HAI	1.69	GIẢM	GIẢM		1.81				1.93		
HAP	3.42	GIẢM	TĂNG		3.54			3.67	3.25	-6.81%	
HAR	3.60	TĂNG	GIẢM	3.56	3.44	1.12%		3.71	3.98	7.38%	BÁN
HCD	3.70	GIẢM	GIẢM		3.89				4.34		
HDA	12.70	TĂNG	TĂNG	10.50	12.22	20.95%		11.30	10.94	12.39%	
HDC	19.05	TĂNG	TĂNG	15.25	18.30	24.92%		15.25	14.22	24.92%	
HHP	11.80	GIẢM	GIẢM		12.26				13.79		
HHS	3.04	GIẢM	GIẢM		3.19				3.54		
HII	11.15	GIẢM	GIẢM		11.63				12.54		
HQC	1.36	GIẢM	GIẢM	1.43	1.36	-4.57%	BÁN		1.50		
HSL	8.69	TĂNG	GIẢM	8.10	7.56	7.28%			9.33		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.16	0.00%			2.97		
HVG	2.57	GIẢM	GIẢM		2.85				4.13		
HVH	27.20	TĂNG	#N/A	27.05	26.04	0.55%			#N/A		
JVC	2.61	GIẢM	GIẢM		2.77				3.12		
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.49				1.68		
KMR	2.82	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-23.37%	
LCG	9.67	GIẢM	GIẢM		10.24				11.41		
LGL	9.85	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	38.48%	
LHG	18.05	GIẢM	TĂNG		19.28			19.30	17.32	-6.48%	
LMH	16.70	GIẢM	#N/A		17.40			-	#N/A		
MST	2.80	TĂNG	GIẢM	2.80	2.66	0.00%	MUA		3.30		
NDN	18.00	TĂNG	TĂNG	14.10	17.56	27.66%		13.10	14.96	37.36%	
PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.84				13.84		

We Create Fortune

PVB	21.80	TĂNG	TĂNG	20.20	21.31	7.92%		20.10	17.72	8.46%	
PVC	7.30	GIẢM	TĂNG		7.75			7.10	6.67	2.82%	
PXL	5.20	GIẢM	GIẢM		5.71				7.09		
PXS	5.99	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.09%		4.85	5.02	23.51%	
QBS	3.04	TĂNG	GIẢM	3.08	2.90	-1.30%			3.36		
SFG	8.88	GIẢM	GIẢM		9.71				12.67		
SHI	8.65	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	3.10%		6.23	7.47	38.79%	
SJF	2.93	GIẢM	GIẢM		3.17				3.88		
SKG	11.70	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.40	TĂNG	TĂNG	9.40	9.35	0.00%	MUA	11.65	9.17	-19.31%	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.15	GIẢM	GIẢM		5.41				6.07		
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.06%		5.85	5.16	-11.73%	
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.66				11.98		
TTF	3.12	GIẢM	GIẢM		3.13			3.99	3.70	-7.16%	
TTH	3.60	GIẢM	GIẢM		3.83				4.27		
TVB	22.50	TĂNG	TĂNG	17.40	20.72	29.31%		20.10	17.56	11.94%	MUA
TVC	16.00	TĂNG	TĂNG	12.50	14.49	28.00%		14.30	12.80	11.89%	MUA
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.18%	
VCR	23.90	TĂNG	GIẢM	20.50	19.22	16.59%			25.98		
VNE	3.19	GIẢM	GIẢM		3.23				4.12		
VPG	21.70	TĂNG	TĂNG	21.40	20.06	1.40%		20.46	19.34	6.08%	
VRC	15.00	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-2.60%			16.26		
YBM	10.05	GIẢM	GIẢM		11.03				12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	968.91	0.22%
VN30	880.51	0.29%
VN Mid	957.58	-0.03%
VN Small	816.87	0.12%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	101.98	-0.30%
HN30	189.3	0.04%
VNX AllSh	853.35	0.22%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.14	-0.02%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	402.36	
Bán	625.01	
GT rỗng	-222.65	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.63	
Bán	15.78	
GT rỗng	-10.15	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	39.33	
Bán	21.12	
GT rỗng	18.22	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CMG	2550	6.99%
QCG	310	6.98%
HAX	900	4.50%
AGR	170	4.10%
YEG	2100	4.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	100	7.14%
TNG	700	4.00%
VCS	3200	3.73%
PVI	1400	3.68%
TVC	500	3.23%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	600	4.26%
VTP	4000	2.95%
CTR	1600	2.90%
C4G	200	2.47%
VGI	800	2.39%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TIP	-1450	-4.27%
TLG	-2500	-4.10%
ITA	-140	-4.01%
FRT	-1400	-2.75%
DHC	-900	-2.69%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGC	-1500	-5.07%
VCR	-300	-1.24%
ACB	-200	-0.91%
PVS	-100	-0.49%
CEO	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VLB	-3300	-9.76%
VBB	-700	-4.76%
SAS	-1200	-2.74%
SIP	-2300	-1.88%
NHH	-500	-1.77%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	395,155	
VCB	282,987	
VHM	277,675	
VNM	205,483	
GAS	191,395	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,507	
VCS	13,469	
VCG	11,661	
PVS	9,798	
PVI	8,782	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	177,585	
VGI	102,117	
VEA	70,902	
GVR	62,028	
MCH	53,554	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	18,900,370	16,553,995
ITA	7,785,620	4,913,357
HNG	5,366,270	8,346,776
HPG	4,271,400	7,167,901
SCR	4,113,426	2,921,194

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHS	6,049,890	1,040,571
SHB	2,499,389	4,597,176
PVS	2,272,780	3,079,607
PVX	2,124,060	1,046,118
PVI	2,119,477	344,897

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SIP	2,047,730	372,712
BSR	1,506,500	1,517,601
BAB	1,104,900	483,443
VLB	1,000,200	339,652
GVR	836,000	1,915,110

Nguồn: Bloomberg & YSVN

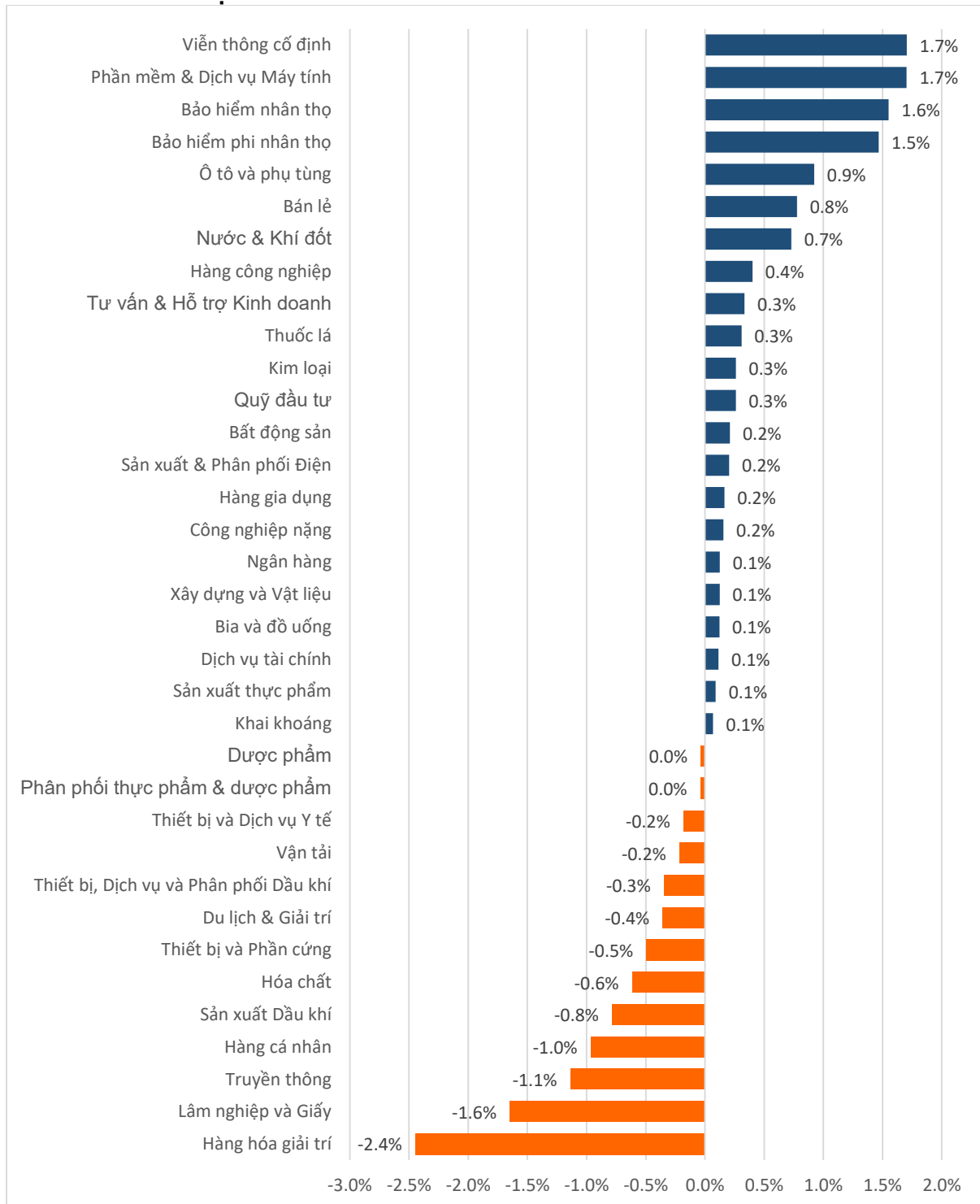
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



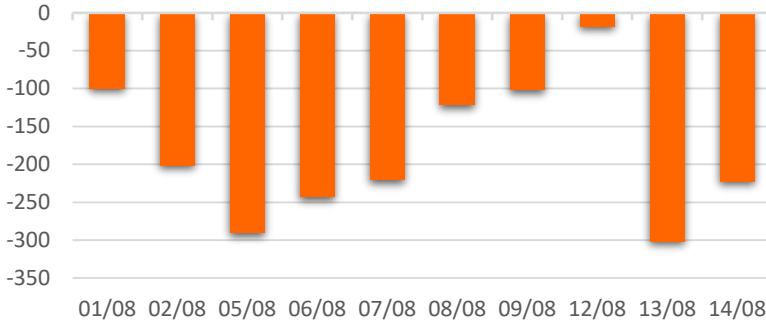
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

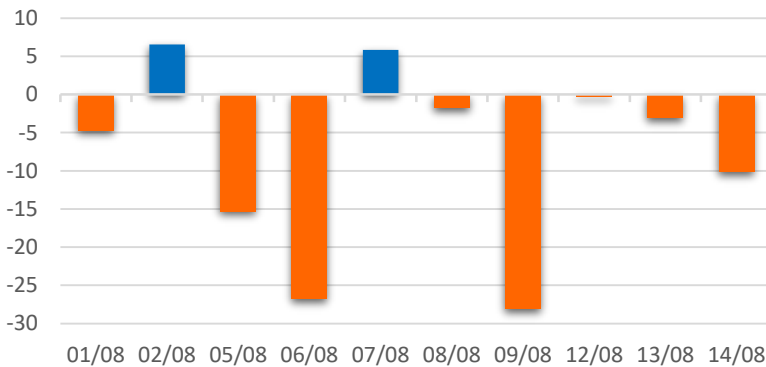
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HDB	10,723	VJC	78,154
MSN	6,071	STB	23,710
CTG	5,532	VPI	22,344
BVH	4,148	HPG	18,087
GEX	3,621	VIC	15,332

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

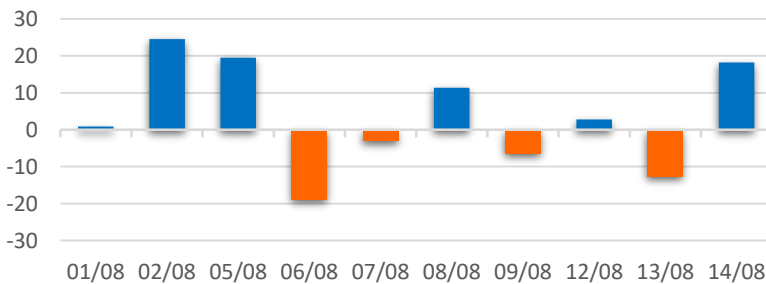
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HUT	1,168	VCS	10,805
IVS	516	PVS	863
AMV	180	DGC	439
SLS	148	BVS	270
ICG	100	MST	132

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	9,388	BSR	506
QNS	3,442	CTR	378
GEG	3,088	ACV	268
VGG	1,583	GVR	260
VTP	1,464	VIB	189

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



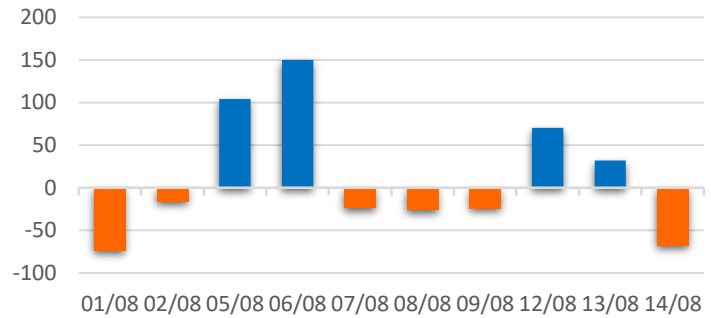
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

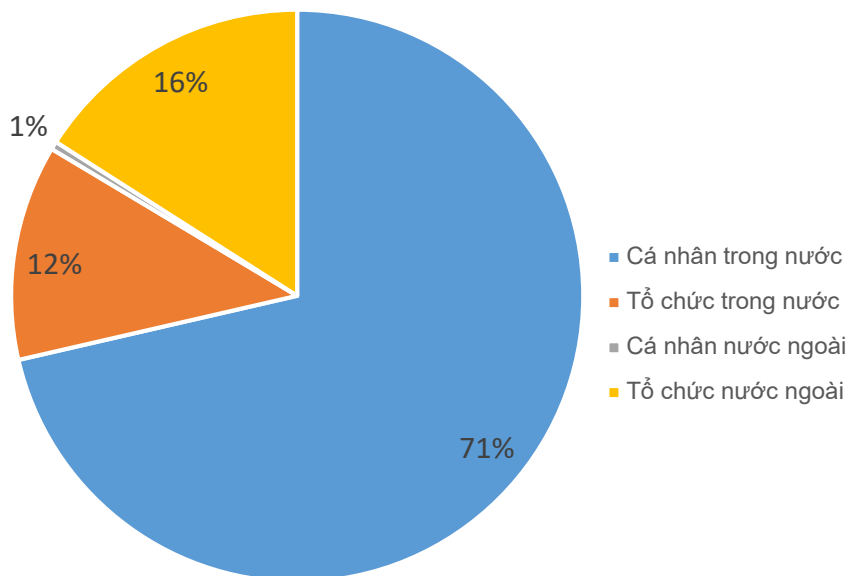
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	17,828	<b>MWG</b>	23,422
<b>MBB</b>	11,948	<b>HDG</b>	5,734
<b>MWG</b>	10,521	<b>VNM</b>	4,044
<b>MSN</b>	4,875	<b>E1VFN30</b>	3,813
<b>VHM</b>	4,691	<b>VIC</b>	2,310

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

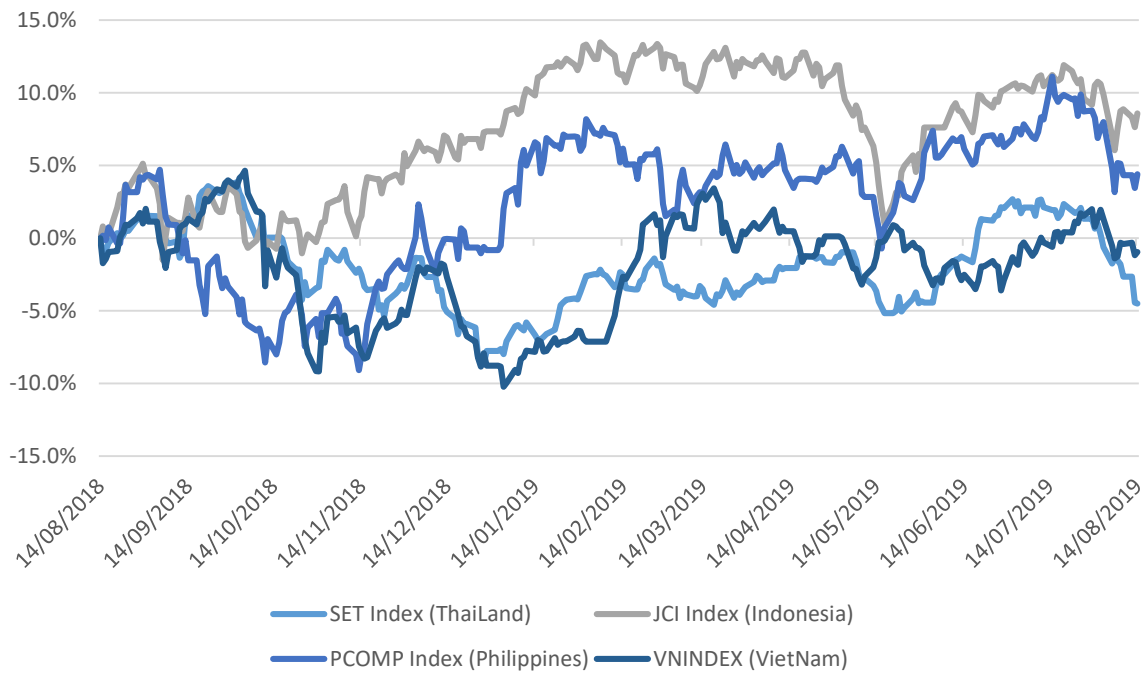


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

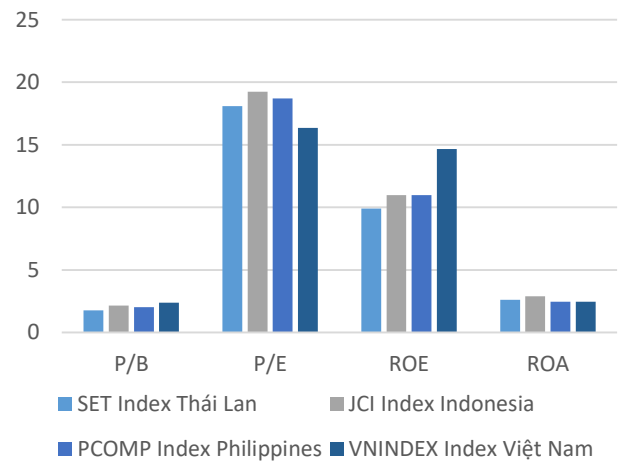
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.1x	19.2x	18.7x	16.4x
ROE	%	9.91	10.99	10.98	14.66
ROA	%	2.62	2.89	2.46	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	539.78	501.47	186.84	140.63
GTGD	Triệu USD	1.81	0.46	0.13	0.14
LS cổ tức	%	3.19	2.46	1.68	1.81

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written